

Bản án số: 100/2023/HSST

Ngày: 08 – 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Xà,

Bà Nguyễn Thị Khuyên,

Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phụng, Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2023/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST - HS ngày 25/8/2023 đối với các bị cáo:

1. Cà Văn T1 (tên gọi khác: không), sinh ngày: 04/02/1978, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản M, xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn H (Đã chết) và bà Quảng Thị M, sinh năm 1960; Vợ: Lò Thị T, sinh năm 1982. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/02/2023, tạm giam từ ngày 03/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Cà Văn T2 (tên gọi khác: không), sinh ngày 13/02/1986, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản M, xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Là Phó bí thư Chi bộ bản M, Đảng bộ xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 07/3/2023; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cà Văn H (Đã chết) và bà Quảng Thị M, sinh năm 1960; Vợ: Lò Thị M, sinh năm 1991. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2011 (đã chết), con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/02/2023,

tạm giam từ ngày 03/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Quàng Văn D (tên gọi khác: không), sinh ngày: 30/9/1967, tại tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản M, xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 06/10; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn Đ (Đã chết) và bà Quàng Thị I (Đã chết); Vợ: Lò Thị H, sinh năm 1967. Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Theo các bản án số 39/HSST ngày 11/12/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, bản án số 553/PTHS ngày 21/4/2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao), ngày 02/9/2015 bị cáo chấp hành xong, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/02/2023, tạm giam từ ngày 03/3/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T1: Bà Giàng Thị N, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T2: Bà Lê Thị D, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn D: Bà Lê Thị T, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 05 giờ 00 phút ngày 25/02/2023, Tổ công tác Phòng phòng, chống ma túy và tội phạm, Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với Đoàn biên phòng Pa T đang làm nhiệm vụ tại khu vực mốc 106 biên giới Việt Nam – Lào thuộc xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, phát hiện, bắt quả tang Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quàng Văn D đang vận chuyển trái phép 07 bánh Heroine có khối lượng 2.056,8 gam và 01 gói Methamphetamine có khối lượng 990,7 gam.

Bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quàng Văn D khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 23/02/2023, Cà Văn T1 đang ăn cơm ở nhà thì nhận được điện thoại của Lò Văn M, sinh năm 1988, trú tại bản Púng N, xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên là em vợ của T1 thuê T1 ngày 24/02/2023 đi lên khu vực gần cột mốc 106 biên giới Việt Nam – Lào thuộc xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nhận 07 bánh Heroine và 01kg ma túy đá từ một người đàn ông quốc tịch Lào không rõ lai lịch chuyển về cho M, xong việc M hứa sẽ trả 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) tiền công, T1 đồng ý.

Do khối lượng ma túy nhiều, đường vận chuyển xa nên khoảng 13 giờ ngày 24/02/2023 T1 gọi điện thuê Quàng Văn D là cậu ruột của T1 và Cà Văn T2 là em ruột của T1 đi vận chuyển ma túy cùng, T1 hứa xong việc sẽ trả tiền công cho D nhưng không nói là bao nhiêu, còn T2 thì hứa sẽ trả 10.000.000 đồng, D và T2 đồng ý. Lúc này D đang đi bẫy sóc trên rừng ở bản Púng N, xã Thanh C,

huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, T1 dẫn D cứ đợi ở đầu rừng, chỗ bãi ruộng thả trâu bò và bảo T2 khoảng 15 giờ cùng ngày đi lên chỗ D đợi, sau đó T1 sẽ đi bộ lên rồi cùng nhau đi vận chuyển ma túy. Thống nhất xong, khoảng hơn 16 giờ T1 đi bộ lên điểm hẹn gặp D và T2, mỗi người mang theo 01 ba lô và 01 đèn pin đội đầu để soi đường, cả 3 người tiếp tục đi, khoảng 23 giờ thì đi đến một gốc cây to, gần mốc 106 biên giới Việt Nam – Lào, T1 bảo D và T2 ngồi chờ tại đó, T1 đổi ba lô với T2 rồi tiếp tục đi một đoạn nữa thì gặp một người đàn ông dân tộc Lào không rõ lai lịch đang đứng chờ. Sau khi xác nhận T1 là người của M, người đó lấy trong ba lô ra 02 bọc nilon màu đen, một bọc đựng 07 bánh Heroine và một bọc đựng 01kg ma túy đá giao cho T1, kiểm tra xong T1 cất giấu toàn bộ ma túy vào ba lô màu xanh đen mang theo rồi vận chuyển mang về chỗ D và T2 đang chờ. T1 nói với D và T2 trong ba lô là ma túy nhưng không nói cụ thể là bao nhiêu. Sau đó T1 phân công nhiệm vụ cho D đi trước để kiểm tra đường, T1 và T2 thay nhau vận chuyển ma túy đi sau, nếu gặp lực lượng Công an hoặc Biên phòng thì D hô to lên để T1 và T2 chạy trốn, mỗi người đi cách nhau từ 5 – 10m. Sau khi phân công nhiệm vụ xong thì cả ba ngủ nghỉ tại gốc cây to, đến khoảng hơn 04 giờ ngày 25/02/2023 thức dậy, theo phân công D đi trước kiểm tra đường, T2 khoác ba lô đựng ma túy đi giữa, T1 đi sau. Hồi 05 giờ cùng ngày khi cả ba người đang vận chuyển ma túy về thì bị Tổ công tác Phòng phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với Đoàn biên phòng Pa T phát hiện, bắt thu giữ toàn bộ vật chứng gồm: 07 bánh Heroine có khối lượng 2.056,8 gam và 01 gói Methamphetamine có khối lượng 990,7 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 402A/KL-KTHS, ngày 03/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quàng Văn D gồm 2.056,8 gam chất bột màu trắng và 990,7 gam tinh thể màu trắng.

- 07 (bảy) mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quàng Văn D gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroin (Heroine).

- Mẫu tinh thể màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quàng Văn D gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Tại bản Cáo trạng số: 64/CT-VKSĐB-P1 ngày 01/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quàng Văn D về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quàng Văn D đều phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Cà Văn T1 tử hình.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Cà Văn T2 tử hình

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Quảng Văn D tử hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, mặt khác số ma túy đã kịp thời bị thu giữ chưa phát tán ra ngoài xã hội, bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2 đều có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều khó khăn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo, cho các bị cáo một cơ hội được sống để làm lại cuộc đời, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 250 của Bộ luật hình sự và miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quảng Văn D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên, không bổ sung thêm gì với bản bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo đồng thời không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quảng Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 25/02/2023, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng, bản kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 23/02/2023, Cà Văn T1 đang ăn cơm ở nhà thì nhận được điện thoại của Lò Văn M, sinh năm 1988, trú tại bản Púng N, xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên là em vợ của T1 thuê T1 ngày 24/02/2023 đi lên khu vực gần cột mốc 106 biên giới Việt Nam – Lào thuộc xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nhận 07 bánh Heroine và 01kg ma túy đá từ một người đàn ông quốc tịch Lào không rõ lai lịch chuyển về cho M, xong việc M hứa sẽ trả 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) tiền công, T1 đồng ý.

Do khối lượng ma túy nhiều, đường vận chuyển xa nên khoảng 13 giờ ngày 24/02/2023 T1 gọi điện thuê Quảng Văn D là cậu ruột của T1 và Cà Văn T2 là em ruột của T1 đi vận chuyển ma túy cùng, T1 hứa xong việc sẽ trả tiền công cho D nhưng không nói là bao nhiêu, còn T2 thì hứa sẽ trả 10.000.000 đồng, D và T2 đồng ý. Lúc này D đang đi bẫy sóc trên rừng ở bản Púng N, xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, T1 dặn D cứ đợi ở đầu rừng, chỗ bãi ruộng thả trâu bò và bảo T2 khoảng 15 giờ cùng ngày đi lên chỗ D đợi, sau đó T1 sẽ đi bộ lên rồi cùng nhau đi vận chuyển ma túy. Thống nhất xong, khoảng hơn 16 giờ T1 đi bộ lên điểm hẹn gặp D và T2, mỗi người mang theo 01 ba lô và 01 đèn pin đội đầu để soi đường, cả 3 người tiếp tục đi, khoảng 23 giờ thì đi đến một gốc cây to, gần mốc 106 biên giới Việt Nam – Lào, T1 bảo D và T2 ngồi chờ tại đó, T1 đổi ba lô với T2 rồi tiếp tục đi một đoạn nữa thì gặp một người đàn ông dân tộc Lào không rõ lai lịch đang đứng chờ. Sau khi xác nhận T1 là người của M, người đó lấy trong ba lô ra 02 bọc nilon màu đen, một bọc đựng 07 bánh Heroine và một bọc đựng 01kg ma túy đá giao cho T1, kiểm tra xong T1 cất giấu toàn bộ ma túy vào ba lô màu xanh đen mang theo rồi vận chuyển mang về chỗ D và T2 đang chờ. T1 nói với D và T2 trong ba lô là ma túy nhưng không nói cụ thể là bao nhiêu. Sau đó T1 phân công nhiệm vụ cho D đi trước để kiểm tra đường, T1 và T2 thay nhau vận chuyển ma túy đi sau, nếu gặp lực lượng Công an hoặc Biên phòng thì D hô to lên để T1 và T2 chạy trốn, mỗi người đi cách nhau từ 5 – 10m. Sau khi phân công nhiệm vụ xong thì cả ba ngủ nghỉ tại gốc cây to, đến khoảng hơn 04 giờ ngày 25/02/2023 thức dậy, theo phân công D đi trước kiểm tra đường, T2 khoác ba lô đựng ma túy đi giữa, T1 đi sau. Hồi 05 giờ cùng ngày khi cả ba người đang vận chuyển ma túy về thì bị Tổ công tác Phòng phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với Đoàn biên phòng Pa T phát hiện, bắt thu giữ toàn bộ vật chứng gồm: 07 bánh Heroine có khối lượng 2.056,8 gam và 01 gói Methamphetamine có khối lượng 990,7 gam, tổng hai chất là 3.047,5 gam.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quảng Văn D là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận

hành vi của các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quảng Văn D đã phạm tội "*Vận chuyển trái phép chất ma túy*" theo quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi vận chuyển trái phép 2.056,8 gam Heroine và 990,7 gam Methamphetamine của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngoài lần phạm tội này các bị cáo Cà Văn T1 và Cà Văn T2 đều chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xét xử về tội danh nào khác.

Bị cáo Quảng Văn D năm 2003 bị xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (Theo các bản án số 39/HSST ngày 11/12/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, bản án số 553/PTHS ngày 21/4/2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao), bị cáo chấp hành đến ngày 31/8/2015 được Chủ tịch nước ký quyết định đặc xá tha tù trước thời hạn, ngày 02/9/2015 bị cáo chấp hành xong. Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo Cà Văn T2 là đảng viên, trước khi phạm tội bị cáo đang giữ chức vụ là Phó bí thư chi bộ bản M, Đảng bộ xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Bị cáo đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 07/3/2023.

Sau khi bị bắt, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quảng Văn D đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Mặc dù ngoài lần phạm tội này các bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2 chưa bị xét xử về tội danh nào khác và chưa bị xử lý vi phạm hành chính, bị cáo Quảng Văn D đã bị xử phạt 20 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, năm 2015 mới chấp hành xong hình phạt song các bị cáo đều không chịu tu dưỡng rèn luyện, muốn có nhiều tiền một cách nhanh chóng, nên đã thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Khối lượng ma túy mà các bị cáo đã vận chuyển trái phép là rất lớn.

Trong vụ án này có ba bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều nhận thức được việc vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo Cà Văn T1 đóng vai trò chính và là người rủ Cà Văn T2, Quảng Văn D cùng thực hiện hành vi phạm tội, Cà Văn T1 là người biết rõ khối lượng ma túy được thuê vận chuyển là 07 bánh ma túy Heroine và 01kg ma túy đá. Cà Văn T1 đã rủ Cà Văn T2 và Quảng Văn D tham gia vận chuyển ma túy cùng T1, mục đích để được hưởng tiền công. Do vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự để áp dụng đối với các bị cáo.

Để nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tội phạm về ma túy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt cao nhất là loại trừ các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội quy định tại Điều 40 của Bộ luật hình sự để lấy đây làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm trong tình hình hiện nay. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về phần hình phạt đối với từng bị cáo là có căn cứ cần chấp nhận.

Về đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên khối lượng ma túy các bị cáo đã vận chuyển trái phép là rất lớn, hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, do vậy không có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Do vậy đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và của những người bào chữa cho các bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Đối với vật chứng là ma túy, sau khi trích mẫu gửi giám định còn lại: 2.045,63 gam heroine, 986,9 gam Methamphetamine thu giữ của Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quàng Văn D; 01 ba lô màu xanh đen, có quai đeo và logo hình quả táo màu trắng thu giữ của Cà Văn T2; 01 ba lô vải rằn ri màu xanh, có quai đeo đã cũ thu giữ của Cà Văn T1; 01 ba lô du lịch màu đen có quai đeo và ngăn khóa kéo đã cũ thu giữ của Quàng Văn D là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại loại bàn phím màu đỏ đen, nhãn hiệu Masstel thu giữ của Cà Văn T1; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu xanh đen, nhãn hiệu Masstel thu giữ của Cà Văn T2; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu Nokia thu giữ của Quảng Văn D là điện thoại các bị cáo sử dụng để liên lạc với nhau để đi vận chuyển trái phép chất ma túy, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, bị cáo T1 khai là nhận của một người đàn ông quốc tịch Lào không rõ lai lịch, nên không có cơ sở điều tra làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Theo lời khai của bị cáo T1: Lò Văn M, sinh năm 1988, cư trú tại bản M, xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên là người thuê bị cáo đi vận chuyển ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã xác minh, nhưng các lần triệu tập M đều không có mặt tại địa phương. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra nếu có đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số điện thoại 0327.878.478 T1 sử dụng, chủ thuê bao là Cà Thị M, sinh năm 1986, trú tại bản Pha Đ, xã Thanh C, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Lấy lời khai, Mai trình bày có đăng ký số thuê bao trên nhưng bị mất điện thoại và thuê bao đó từ cuối năm 2022. Mai khẳng định không quen biết hay trao đổi mua bán ma túy với T1, T2, D.

Đối với số điện thoại 0333.621.876 của T2 sử dụng, chủ thuê bao là Lò Thị L, sinh năm 1966, trú tại bản Nậm H, xã Hẹ M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Lấy lời khai, L trình bày không đăng ký sử dụng số thuê bao trên, không cho ai mượn hoặc ai nhờ đi đăng ký số thuê bao đó. L không quen biết hay trao đổi mua bán ma túy với T1, T2, D.

Đối với số điện thoại 0375.040.615 D sử dụng, chủ thuê bao là Lê Ngọc M, sinh năm 2000, trú tại phường Lay N, thị xã Mường L, tỉnh Điện Biên. Cơ quan điều tra đã xác minh trên địa bàn không có công dân nào tên là M.

Đối với 02 số điện thoại 0763.821.920 và 0763.266.820 T1 khai là của M. Nhưng chủ thuê bao số điện thoại 0763.821.920 là Vàng Thị D, sinh năm 1995, trú tại thôn Tà Huổi T 1, xã Tủa T, huyện Tủa C, tỉnh Điện Biên, còn chủ thuê bao số điện thoại 0763.266.820 là Vàng A C, sinh năm 2006, trú tại bản Xà P 2, xã Sá T, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Lấy lời khai của D và C trình bày

không đăng ký số thuê bao trên, D và C không quen biết hay trao đổi mua bán ma túy với T1, T2, D.

Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với những trường hợp trên.

Đối với 03 chiếc đèn pin đội đầu của các bị cáo dùng để soi đường khi đi vận chuyển ma túy đã bị rơi mất trong lúc Tổ công tác bắt giữ các bị cáo. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tìm kiếm tại hiện trường nhưng không tìm thấy. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quảng Văn D đều phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cà Văn T1 tử hình.

2.2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cà Văn T2 tử hình.

2.3. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 40 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn D tử hình.

Áp dụng khoản 4 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 2.045,63 gam Heroine, 986,9 gam Methamphetamine thu giữ của Cà Văn T1, Cà Văn T2, Quảng Văn D là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.

- 01 ba lô màu xanh đen, có quai đeo và logo hình quả táo màu trắng đã qua sử dụng thu giữ của Cà Văn T2. 01 ba lô vải rằn ri màu xanh, có quai đeo đã cũ qua sử dụng thu giữ của Cà Văn T1. 01 ba lô du lịch màu đen có quai đeo và ngăn khóa kéo đã cũ qua sử dụng thu giữ của Quảng Văn D.

*** Tịch thu sung ngân sách nhà nước:**

- 01 điện thoại loại bàn phím màu đỏ đen, nhãn hiệu Masstel, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Cà Văn T1.

- 01 điện thoại di động loại bàn phím màu xanh đen, nhãn hiệu Masstel, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Cà Văn T2.

- 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu Nokia, điện thoại cũ đã qua sử dụng thu giữ của Quảng Văn D.

(Theo Biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 02/8/2023 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên)

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, Điều 333, Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/9/2023).

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật tố tụng hình sự, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án được gửi đơn xin ân giảm lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND xã Thanh C, huyện Điện Biên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Đoàn